

Chương IV

VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài
24

MIỀN BẮC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ KINH TẾ – XÃ HỘI, MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MỸ – DIỆM, GÌN GIỮ HOÀ BÌNH (1954 – 1960)

Do đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm phá hoại Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Trong tình hình đó, mỗi miền Bắc – Nam thực hiện những nhiệm vụ thuộc hai chiến lược cách mạng khác nhau : Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế – xã hội ; miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng, từng bước đưa cách mạng tiến lên.

I – TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NƯỚC TA SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ NĂM 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết, đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Campuchia của thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức.

Ngày 10 – 10 – 1954, quân ta tiến vào tiếp quản Hà Nội trong không khí tung bừng của ngày hội giải phóng. Ngày 1 – 1 – 1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng ngày 13 – 5 – 1955, rút khỏi đảo Cát Bà ngày 16 – 5 – 1955. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

Giữa tháng 5 – 1956, Pháp rút hết quân khỏi miền Nam khi chưa thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc Việt Nam theo điều khoản của Hiệp định Giơnevơ.

Ngay sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ liền thay thế thực dân Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.



Hình 67. Nhân dân Hà Nội mừng đón bộ đội vào tiếp quản Thủ đô (10 – 10 – 1954)

Do đó, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước chưa hoàn thành ; nhân dân ta vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế ở miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, vừa phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.



– Vì sao sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nước ta bị chia cắt làm hai miền ?

– Hãy nêu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kì mới.

II – MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 – 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957)

a) Hoàn thành cải cách ruộng đất

Công cuộc phát động quần chúng triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất được thực hiện từ cuối năm 1953. Khi ta vừa kết thúc đợt 5 giảm tô và đợt 1 cải cách ruộng đất thì hoà bình lập lại ở miền Bắc.

Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế miền Bắc và nhằm đáp ứng yêu cầu về quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân, củng cố khối liên minh công nông, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng và Chính phủ quyết định "*Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất*".

Thực hiện chủ trương của Trung ương, trong hơn hai năm (1954 – 1956), miền Bắc tiến hành đợt 6 giảm tô và tiếp 4 đợt cải cách ruộng đất còn lại (từ đợt 2 đến đợt 5) ở 3 314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du.

Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, chúng ta đã tịch thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ đem chia cho trên 2 triệu hộ nông dân. Giai cấp địa chủ đã căn bản bị xoá bỏ. Nông dân đã làm chủ nông thôn, nguyện vọng lâu đời của nông dân là "*người cày có ruộng*" đã được thực hiện.



Hình 68. Nông dân phấn khởi nhận ruộng trong cải cách ruộng đất

Tuy vậy, trong cải cách ruộng đất, chúng ta phạm một số sai lầm nghiêm trọng như đấu tố cả những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhậm một số nông dân, cán bộ, đảng viên... thành địa chủ. Sai lầm còn thể hiện trong phương pháp đấu tố tràn lan, thô bạo.

Tháng 9 – 1956, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) đã đề ra chủ trương kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất. Công tác sửa sai được tiến hành trong cả năm 1957. Nhờ đó, hậu quả của sai lầm đã được khắc phục. Sau cải cách ruộng đất, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh công nông được củng cố.

b) Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

Đây là nhiệm vụ tất yếu trong thời kì đầu sau chiến tranh. Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá I (3 – 1955) đã quyết nghị củng cố miền Bắc bằng cách "ra sức khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá".

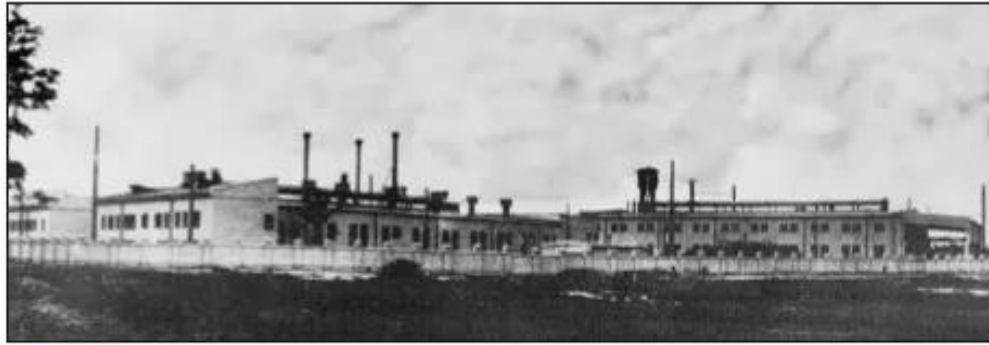
Công cuộc khôi phục kinh tế được toàn dân tích cực hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành.

Trong *nông nghiệp*, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, bảo đảm cày cấy hết ruộng đất vắng chủ, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ. Hệ thống đê điều dài hơn 3 000 km đã được tu bổ. Nhiều đập nước như đập Bái Thượng (Thanh Hoá), Đê Lương (Nghệ An), Thác Huống (Thái Nguyên) đã được sửa chữa. Nhiều công trình thuỷ nông mới được xây dựng, có tác dụng mở rộng diện tích tưới và tiêu nước.

Đến năm 1957, sản lượng lương thực đạt gần 4 triệu tấn, tăng hơn 1,5 triệu tấn so với năm 1939. Nạn đói có tính chất kinh niên ở miền Bắc bước đầu được giải quyết. Đời sống của nhân dân lao động được cải thiện.

Trong *công nghiệp*, chúng ta đã nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các cơ sở công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp quan trọng như mỏ than Hòn Gai, dệt Nam Định, xi măng Hải Phòng, điện Hà Nội; xây dựng thêm một số nhà máy mới như cơ khí Hà Nội, diêm Thống Nhất, gỗ Cầu Đuống, thuốc lá Thăng Long, cá hộp Hải Phòng, chè Phú Thọ... Việc xây dựng Nhà máy cơ khí Hà Nội là sự kiện quan trọng trong lịch sử phát triển công nghiệp ở Việt Nam. Đây là cơ sở đầu tiên của ngành chế tạo máy ở nước ta. Đến cuối năm 1957, miền Bắc có tất cả 97 nhà máy, xí nghiệp lớn do Nhà nước quản lí.

Cùng với việc khôi phục và phát triển công nghiệp, các ngành thủ công nghiệp miền Bắc cũng được nhanh chóng khôi phục. Đến năm 1957, ngành thủ công nghiệp đã cung cấp gần 59% số hàng hoá tiêu dùng trong nước, giải quyết phần nào việc làm cho người lao động.



Hình 69. Toàn cảnh Nhà máy cơ khí Hà Nội

Trong *thương nghiệp*, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng, đã cung cấp ngày càng nhiều mặt hàng cho nhân dân ; giao lưu hàng hoá giữa các địa phương ngày càng phát triển ; hoạt động ngoại thương dần dần tập trung vào Nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đã đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

Giao thông vận tải được chú trọng, khôi phục gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ô tô, xây dựng và mở rộng thêm một số cảng như cảng Hải Phòng, Cẩm Phả, Bến Thủy ; đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

Văn hoá, giáo dục, y tế được đẩy mạnh. Nền giáo dục được phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống giáo dục phổ thông theo chương trình 10 năm đã được khẳng định ; giáo dục đại học được chú ý phát triển.

Năm học 1956 – 1957 có gần 1 triệu học sinh phổ thông, hơn 600 000 học sinh vỡ lòng, gần 3 000 sinh viên đại học, gần 8 000 học sinh chuyên nghiệp trung cấp và hơn 1 triệu người được xoá nạn mù chữ.

Hệ thống y tế chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được Nhà nước quan tâm xây dựng. nếp sống lành mạnh, giữ gìn vệ sinh được vận động thực hiện ở khắp mọi nơi.

Đến năm 1957, miền Bắc có trên 150 cơ sở điều trị, hơn 100 đội y tế lưu động, khoảng 8 000 cán bộ từ y tá đến bác sĩ. Những nạn dịch phổ biến ở miền Bắc trước kia như đau mắt hột, sốt rét... được xoá bỏ.

Trong giai đoạn này, chính quyền và quân đội được củng cố, khả năng phòng thủ đất nước được tăng cường, quan hệ ngoại giao được mở rộng. Mặt trận Tổ quốc được thành lập tháng 9 – 1955 đã tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân xây dựng đất nước.

2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội (1958 – 1960)

Trong 3 năm tiếp theo (1958 – 1960), miền Bắc lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm : cải tạo đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong đó khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp. Chủ trương này được cụ thể hoá trong kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958 – 1960), do Quốc hội khoá I, kì họp thứ 8, thông qua tháng 4 – 1958.

Thực hiện chủ trương trên, khắp nơi sôi nổi phong trào thi đua xây dựng hợp tác xã. Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ ; từng bước đưa người nông dân vào làm ăn tập thể đi từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc thấp, đến bậc cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn. Đến cuối năm 1960, công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp đã căn bản hoàn thành – trên 85% số hộ nông dân vào hợp tác xã với 70% diện tích canh tác.

Đối với tư sản dân tộc, Đảng và Nhà nước chủ trương cải tạo bằng phương pháp hoà bình, sử dụng mặt tích cực của tư sản dân tộc, đưa họ vào làm ăn tập thể dưới hình thức công tư hợp doanh. Đến cuối năm 1960, có hơn 95% hộ tư sản vào công tư hợp doanh.

Đối với lực lượng tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, Nhà nước chủ trương đưa họ vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán. Đến cuối năm 1960, hơn 87% số hộ thủ công và 45% người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã. Đa số tiểu thương đã được chuyển sang sản xuất.

Trong cải tạo, chúng ta đã phạm một số sai lầm như đã đồng nhất cải tạo với xoá bỏ tư hữu và các thành phần kinh tế cá thể ; thực hiện sai các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, công bằng, dân chủ, cùng có lợi ; do đó, chưa phát huy được tinh tích cực, chủ động, sáng tạo của xã viên trong sản xuất.

Đồng thời với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, công nghiệp quốc doanh được ưu tiên đầu tư xây dựng. Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp lớn do trung ương quản lí, trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

Những tiến bộ về kinh tế đã thúc đẩy sự nghiệp văn hoá – giáo dục phát triển.

Năm học 1959 – 1960, miền Bắc có 6 300 trường với 2,5 triệu học sinh, sinh viên, chiếm khoảng 17% dân số. Số học sinh phổ thông và sinh viên đại học tăng 2 lần so với năm học 1956 – 1957. Số nữ sinh và học sinh các dân tộc miền núi đến trường ngày càng đông. Hệ thống y tế chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân phát triển khá nhanh. Các cơ sở y tế năm 1960 tăng 11 lần so với năm 1955.

Những thành tựu đạt được trong thời gian thực hiện kế hoạch 3 năm cùng với những thay đổi của miền Bắc sau hai kế hoạch 3 năm (1954 – 1960) được phản ánh tập trung trong bản Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, do Quốc hội khoá I, kì họp thứ 11, thông qua ngày 31 – 12 – 1959. Hiến pháp còn thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam quyết tâm đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.



– Miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957).

– Công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc từ năm 1958 đến năm 1960 đã đạt được những thành tựu và có hạn chế gì ?

III – MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ – DIỆM, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI "ĐỒNG KHỞI" (1954 – 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1959)

Ngay từ tháng 7 – 1954, nhận rõ đế quốc Mĩ là trở lực chính ngăn cản việc lập lại hoà bình ở Đông Dương và đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương, Trung ương Đảng đề ra cho cách mạng miền Nam nhiệm vụ chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Mở đầu là "Phong trào hoà bình" của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tháng 8 – 1954. Phong trào tổ chức nhiều cuộc mít tinh, hội họp chào mừng ngày hội đất nước và đưa yêu cầu đòi chính quyền thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ. Phong trào nhanh chóng lan ra các đô thị khác và nhiều vùng nông thôn. Những "Ủy ban bảo vệ hoà bình" được thành lập và hoạt động công khai.

Tháng 11 – 1954, Mĩ – Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp, lùng bắt các nhà lãnh đạo phong trào. Nhưng phong trào đấu tranh vì mục tiêu hoà bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao, lan rộng, lôi cuốn hàng triệu người tham gia, gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các dân tộc ít người... hình thành nên mặt trận chống Mĩ – Diệm.

Mục tiêu phong trào được mở rộng, hình thức đấu tranh có những thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Đấu tranh vừa đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, chống cái gọi là "trung cầu dân ý", "bầu cử quốc hội"... của Diệm, vừa chống Mĩ – Diệm khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" của chúng, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ. Đấu tranh giữ gìn kết hợp với phát triển lực lượng cách mạng. Hình thức đấu tranh từ đấu tranh chính trị, hoà bình chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.

Ngày 1 - 5 - 1957, 20 vạn quần chúng lao động Sài Gòn - Chợ Lớn xuống đường đấu tranh. Ngày 1 - 5 - 1958, 50 vạn đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn xuống đường tuần hành đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ, chống khủng bố. Năm 1957, toàn miền Nam có 2 triệu lượt người tham gia đấu tranh ; năm 1958, có 3,7 triệu lượt người ; năm 1959, có 6 triệu lượt người.

2. Phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960)

Trong những năm 1957 - 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Luật 10/59 (đề ra tháng 5 - 1959) cho phép thẳng tay giết hại bất cứ người yêu nước nào, bất cứ ai có biểu hiện chống lại chúng, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đầy. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.



Hình 70. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (năm 1959)

Tháng 1 – 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm và nhấn mạnh : ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là "dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân"⁽¹⁾.

Phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương, như cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) tháng 2 – 1959, ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8 – 1959, lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

Tại Bến Tre, ngày 17 – 1 – 1960, cuộc "Đồng khởi" nổ ra ở ba xã điểm là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày, rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện và các huyện Giồng Trôm, Thạnh Phú, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại.

Hàng vạn nhân dân xuống đường, vũ trang bằng giáo mác, nổi trống mõ, lùng bắt bọn tể điệp ác ôn, truy quét các tổ chức kim kẹp của địch. Quần chúng diệt đồn, giải tán các trụ sở hội đồng xã, các tổ chức tay sai của địch. Chỉ trong tuần lễ đầu "Đồng khởi", nhân dân 47 xã đã đồng loạt nổi dậy đập tan bộ máy kim kẹp của địch, giải phóng 150 ấp, bức rút 47 đồn bốt, diệt hơn 300 tên. Các thôn xã được giải phóng mở đại hội nhân dân, lập toà án trừng trị những tên nợ máu, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày nghèo. Thanh niên nô nức gia nhập lực lượng vũ trang.

Hoà nhịp với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre, nhân dân các tỉnh Tây Ninh, Mĩ Tho, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Sóc Trăng, Kiến Phong, Kiến Tường... đồng loạt nổi dậy, làm chủ 2/3 xã ấp.

Tính đến cuối năm 1960, tại các tỉnh Nam Bộ, cách mạng đã làm chủ hơn 600 xã trong tổng số 1 298 xã, trong đó có 116 xã hoàn toàn giải phóng. Ở vùng núi các tỉnh Trung Trung Bộ, có 904 thôn trong tổng số 3 829 thôn được giải phóng. Ở Tây Nguyên có tới 3 200 thôn trong tổng số 5 721 thôn được giải phóng.

(1) *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2004, tr. 214.



Hình 71. Lược đồ phong trào "Đông khởi" ở miền Nam

Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" mở ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn, dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 – 12 – 1960 do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Mặt trận chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tập đoàn Ngô Đình Diệm.



Hình 72. Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ duyệt một đơn vị vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam

Phong trào "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, chấm dứt thời kỳ ổn định tạm thời của chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kỳ khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.



- Phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân ta ở miền Nam đã diễn ra như thế nào trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ?
- Phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960) ở miền Nam đã nổ ra trong hoàn cảnh nào? Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày những chuyển biến của xã hội miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1960.
2. Tại sao phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960) được coi là mốc đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?